

Bản án số: 53/2024/DS-PT

Ngày 15 - 8 - 2024

“V/v: Tranh chấp tài sản chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoàn.

Các Thẩm phán: Ông Ma Ngọc Trung và ông Nguyễn Đức Nam.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Kiều Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2024/TLPT-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST, ngày 03 tháng 5 năm 2024, của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2024/QĐ-PT, ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim O năm 1961; địa chỉ: Tổ A, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt*.

2. Bị đơn: Bà Tạ Thị V năm 1952; địa chỉ: Tổ A, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt*.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Tạ Thị V Luật sư thuộc Công ty L1Đoàn luật sư tỉnh T chỉ: M V, phố H, tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt*.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Lê Quang T năm 1954; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên, *vắng mặt*.

- Ông Lê Quang H năm 1956; địa chỉ: Tổ G, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, *vắng mặt*.

- Ông Lê Quang H1 năm 1963; nơi ĐKKHKT: Tổ A, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang ở hiện nay: Tổ A, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, *vắng mặt*.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L7 Lê Thị Kim O1 chỉ: Tổ A, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, có mặt.

- Anh Lê Q K1 sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ A, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở: Tổ I, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt*.

- Anh Lê Thùy A năm 1987; Địa chỉ: Tổ A, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, *vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

- Ủy ban nhân dân phường A chỉ: Tổ A, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Nghĩa T1, chức vụ: Chủ tịch, *vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim O2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim O3 bày:*

Bố mẹ chúng tôi là Lê Kim H2 sinh năm 1931 và Nguyễn Thị T2 sinh năm 1934 có nhận chuyển nhượng đất của bà M phá năm 1970, bố mẹ tôi sinh được 5 người con là Lê Quang T 1954, Lê Quang H 1956, Lê Quang T2 (mất 1995 là liệt sỹ), Lê Thị Kim O 1961, Lê Q H1 sinh 1963. Ngày 16/3/1981 mẹ tôi mất, sau khi mẹ tôi mất năm 1986 gia đình họp và thống nhất đất của bố mẹ tôi có chiều ngang là 12m, trong đó phần của ông H2 là 6m chiều ngang, bà T2 6m chiều ngang; phần 6m của ông H2 cho con trai út là Lê Quang H2 (vì H1 sẽ có trách nhiệm nuôi ông H2 còn 6m còn lại được chia làm 7 phần gồm ông H2 THT3 O H1 ông ngoại (bố đẻ bà T2 do bà T2 mất trước nên nếu cần tiền lo cho ông ngoại thì sẽ bán); phần của ông H2 của T3 đều cho Lê Quang H2 (tổng anh H1 được 8m chiều ngang), 4m còn lại do khi ông ngoại mất không phải dùng đến nên được chia đều cho 3 người là THO Phần của Lê Q H1 xây luôn nhà cho bố tôi ở.

Ngày 20/12/1992 ông H2 được Ủy ban nhân dân huyện Y giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 552m² trong đó đất thổ cư 164 m², đất kinh tế vườn 388 m², thống nhất diện tích đất được chia theo phần như đã thống nhất trong gia đình.

Tháng 5/2000 ông H2 bị ốm do tai biến bị liệt nửa người, sau khi điều trị ở viện một thời gian thì đưa bố tôi về nhà chăm sóc người chăm sóc chính là tôi Lê Thị Kim O4 các con đi lại khi có thời gian rảnh rỗi. Năm 2002 ông H2 lên nhà anh H1 ở tổ A phường M (nay là tổ A năm 2006 thì ông H2 đòi về nhà ở (nhà do anh

H1 xây trên phần đất được chia). Ngày 17/5/2008 thì ông H2 mất.

Ngay sau khi ông H2 cho đất chúng tôi phản đối và có đơn ra xã đề nghị giải quyết, xã yêu cầu trong gia đình về bàn bạc thống nhất lại, trong khi chưa thống nhất được thì năm 2001 chị V2 tình xây nhà trên diện tích đất của 3 người (THO có diện tích chiều ngang là 4m). Khi chúng tôi thống nhất sẽ khởi kiện ra Tòa án thì anh T3 chị V3 nhất sẽ trả tiền cho tôi (O và HN hưng chị V4 hứa nhưng không trả, năm 2009 tôi đã làm đơn ra xã giải quyết nhưng chị V5 nhất trí trả tiền, khi tôi làm đơn để khởi kiện thì chị V6 hứa thu xếp tiền để trả cho tôi, H và anh T (lúc này anh T3 chị V7 ly thân). Nhiều lần chúng tôi yêu cầu chị V8 nhưng đến nay vẫn không trả tiền cho tôi, H3 anh TV việc ông H2 làm giấy cho đất thổ cư cho cháu Lê M1 H3 là trái với quy định của pháp luật vì: Phần đất ông H2 cho không phải của ông H2 vì theo thỏa thuận chia từ năm 1986 (khi đó ông H2 còn minh mẫn thỏa thuận bằng miệng không làm văn bản) phần đất của ông H2 đã cho L8, H1 đã xây nhà trên đất từ 1986 để cho ông H2 ở đến khi ông H2 mất năm 2008, khi ông H2 cho đất không cho các con trong gia đình biết. Tháng 9/2000 ông H2 đang bị tai biến liệt 1/2 người đầu cũng không được minh mẫn tinh táo, tay bị liệt không thể tự mình điếm chỉ được, trong khi giấy cho đất thổ cư không thực hiện đúng qui định của pháp luật vì ngày 24/9/2000 khi ông H2 làm giấy cho chỉ có bà Trịnh Thị L nhận, đến ngày 28/10/2000 có xác nhận của cán bộ địa chính xã A 30/10/2000 ông Đ N1 chủ tịch xã A chứng nhận việc ông H2 cho đất cháu H4 vậy việc tặng cho đất của người không viết được, không ký được mà điếm chỉ phải tuân thủ đúng qui định về công chứng, chứng thực.

Vì vậy tôi đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang giải quyết:

- Đề nghị tuyên Giấy cho đất thổ cư lập ngày 24/9/2000 người cho đất ông Lê Kim H5 s1931, người được nhận đất Lê M1 H3 sinh 1980 (hiện H3 đã chết năm 2006) là vô hiệu và hủy giấy cho đất thổ cư lập ngày 24/9/2000.

- Đề nghị chia diện tích đất 189m² theo quy định của pháp luật cho 3 anh em tôi là THO trong đó tôi O được 63m².

* *Tại bản tự khai, bị đơn bà Tạ Thị V9 bày:*

Tôi và ông Lê Quang T5 vợ chồng kết hôn từ năm 1976 và có 03 người con (sinh năm 1977, 1979 và 1986). Năm 1987, ông T6 bỏ mấy mẹ con tôi đi sống với người khác tại Hưng Yên khi mà tôi còn đang mang thai đứa con thứ 3. Vì điều kiện hoàn cảnh quá khó khăn nên năm 1990 tôi đã cho cháu lớn là Lê Q K1 đi làm con nuôi của chú ruột là ông Lê Q T3 khi đó đang là thương binh điều trị tại Trung tâm T17. Đến năm 1994, chú T3 bệnh nặng thêm nên tôi đã đón chú về nhà chăm sóc đến năm 1995 thì chú ấy chết và được nhà nước công nhận là liệt sỹ và mẹ con tôi là người đứng ra chăm lo việc thờ cúng liệt sỹ từ đó cho đến nay.

Vì thương hoàn cảnh của mấy mẹ con tôi, ngày 24/9/2000 bố chồng tôi là ông Lê Kim H6 làm giấy cho đất thổ cư cho con trai tôi là Lê Mạnh H7(Vì trước đó khi còn sống chú Lê Q T3 có được UBND huyện Y cho đất ở theo diện chính sách thương binh và đã để lại cho con nuôi là con trai tôi Lê Quang K1 Theo đó, ông Lê Kim H8 ý cho con trai tôi 01 mảnh đất diện tích 189 m² có chiều rộng 4,2m; chiều dài 45m tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 41 theo bản đồ đo địa chính năm 1998 quyển số 01 tại thôn S, xã A, huyện Y (nay là tổ A, phường A, T cho đất thổ cư khi đó của ông Lê Kim H9 sự xác nhận của bà Trịnh Thị L1 hàng xóm có đất liền kề; xác nhận của ông Trần Ngọc N đó là cán bộ địa chính xã A xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A (nay là phường A, thành phố T) Đến tháng 12/2000, tôi cùng 03 người con trai tự xây 01 ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đó để ở từ đó đến nay và không hề có tranh chấp với ai. Khi tôi xây dựng xong ngôi nhà đó thì bốn mẹ con tôi ở còn ông Lê Kim H10 tại ngôi nhà bên cạnh đến khoảng năm 2007 ông H2 bị tai biến thì tôi đã đưa ông về sống bên nhà tôi để tiện chăm sóc. Đến năm 2008, ông H2 chết và mấy mẹ con tôi hiện nay vẫn thờ cúng ông Lê Kim H11 liệt sỹ Lê Quang T3 tại ngôi nhà của tôi trên chính mảnh đất mà ông H2 cho con trai tôi.

Việc ông Lê Kim H12 con trai tôi mảnh đất trên là hoàn toàn tự nguyện, có sự xác nhận của những người làm chứng và chính quyền địa phương. Vì năm 2004, con trai tôi là Lê M1 H3 bị bệnh chết nên tôi vẫn chưa làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Đến cuối năm 2020, tôi được biết bà Lê Thị Kim O5 các anh trai là con của ông Lê Kim H9 ý định phân chia thừa kế đất của ông Lê Kim H13 đó định chia cả thửa đất mà ông H2 đã tặng cho con trai tôi. Vì vậy, tôi đã báo sự việc trên lên UBND phường A để dừng lại việc phân chia đó. Thiết nghĩ mấy chục năm nay mẹ con tôi sinh sống ổn định tại căn nhà đó không hề tranh chấp với ai, việc chăm lo cho bố và em khi ốm đau và thờ cúng sau khi chết cũng chỉ có mấy mẹ con tôi đứng ra lo liệu có hàng xóm láng giềng và chính quyền địa phương biết. Vậy mà bây giờ bà O5 các anh trai đòi tranh chấp cả phần đất mà ông Lê Kim H6 cho cháu mà hiện nay tôi đang sống và thờ cúng thì không thể chấp nhận được. Tôi đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim O6 công nhận việc tặng cho thửa đất nêu trên cho con trai tôi theo quy định của pháp luật.

** Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Quang K trình bày:*

Ngày 24/9/2000, ông nội tôi là ông Lê Kim H6 làm giấy cho đất thổ cư cho em trai tôi là Lê Mạnh H3 Theo đó, ông nội tôi đồng ý cho em trai tôi mảnh đất diện tích 189 m², chiều rộng 4,2m; chiều dài 45m tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 41 theo bản đồ đo địa chính năm 1998 quyển số 01 tại thôn S, xã A, huyện Y (nay

là tổ A, phường A, T cho đất thổ cư khi đó của ông tôi có sự xác nhận của bà Trịnh Thị L1 hàng xóm có đất liền kề; xác nhận của ông ông Trần Ngọc N đó là cán bộ địa chính xã A xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A (nay là phường A, thành phố T

Đến tháng 12/2000, mấy mẹ con tôi xây 01 ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đó để ở từ đó đến nay và không hề có tranh chấp với ai. Khi xây dựng xong ngôi nhà đó thì bốn mẹ con tôi ở, còn ông Lê Kim H10 tại ngôi nhà bên cạnh đến khoảng năm 2007 ông H2 bị tai biến thì mẹ tôi đã đưa ông về sống bên nhà tôi để tiện chăm sóc. Đến năm 2008, ông tôi chết và mẹ tôi hiện nay vẫn sinh sống và thờ cúng ông nội tôi và bố nuôi của tôi là liệt sỹ Lê Q T3 tại ngôi nhà của mẹ con tôi trên chính mảnh đất mà ông nội cho em trai tôi.

Việc ông nội cho em trai tôi mảnh đất trên là hoàn toàn tự nguyện, có sự xác nhận của những người làm chứng và chính quyền địa phương. Vì năm 2004, em trai tôi là Lê M1 H3 bị bệnh chết nên vẫn chưa làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Đến cuối năm 2020, tôi được biết bà Lê Thị Kim O5 các bác là con của ông Lê Kim H9 ý định phân chia thừa kế đất của ông Lê Kim H13 đó định chia cả thửa đất mà ông H2 đã tặng cho em trai tôi. Vì vậy, mẹ tôi đã báo sự việc trên lên UBND phường A để dừng lại việc phân chia đó. Mấy chục năm nay mẹ con tôi sinh sống ổn định tại căn nhà đó không hề tranh chấp với ai, việc chăm lo cho ông và chú tôi khi ốm đau và thờ cúng sau khi chết cũng chỉ có mấy mẹ con tôi đứng ra lo liệu có hàng xóm láng giềng và chính quyền địa phương biết. Vậy mà bây giờ bà O5 các bác đòi tranh chấp cả phần đất mà ông Lê Kim H6 cho em trai tôi mà hiện nay mẹ tôi đang sống và thờ cúng thì hoàn toàn trái với ý nguyện của ông tôi khi còn sống và trái với luân thường đạo lý. Tôi đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim O6 công nhận việc tặng cho thửa đất nêu trên cho em trai tôi để gia đình tôi hoàn thiện các thủ tục pháp lý đối với mảnh đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

** Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang Hồng Lê Q1 H1 ông Lê Quang T7 nhất khai như sau:*

Bố mẹ chúng tôi là Lê Kim H2 sinh năm 1931 và Nguyễn Thị T2 sinh năm 1934 có nhận chuyển nhượng đất đai của bà M phá năm 1970. Bố mẹ chúng tôi sinh được 05 người con là: Lê Quang T năm 1954, Lê Quang H năm 1956, Lê Quang T2 (mất năm 1995 - Liệt sỹ), Lê Thị Kim O năm 1961, Lê Q1 H1 sinh năm 1963. Ngày 16/3/1981 mẹ chúng tôi mất, đến năm 1986 gia đình họp và thống nhất đất của bố tôi có chiều ngang là 12m, trong đó phần của ông H2 là 6m chiều ngang, bà T2 6m chiều ngang. Phần 6m của ông H2 cho con trai út là Lê Quang H2 (vì H1 có trách nhiệm nuôi ông H2 6m còn lại được chia làm 07 phần gồm: ông H2 THT3 H1 O và ông ngoại (bố đẻ bà T2 do bà T2 mất trước nên nếu cần tiền lo cho ông ngoại thì sẽ

bán. Phần của ông H2 của T3 đều cho Lê Quang H2 (tổng Hòa được 8m chiều ngang), 4m còn lại do khi ông ngoại mất không phải dùng đến, nên được chia đều cho 03 người là: Tịnh, H0 Phần của Lê Q1 H1 đã xây nhà cho bố chúng tôi từ năm 1986.

Ngày 20/12/1992 ông H2 được UBND huyện Y Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 552 m², trong đó đất thổ cư 164 m², đất kinh tế vườn 388 m², thống nhất diện tích đất được chia theo phần như đã thống nhất trong tình gia đình. Tháng 5/2000 ông H2 bị ốm do tai biến bị liệt nửa người, sau khi điều trị ở viện một thời gian thì đưa bố chúng tôi về nhà chăm sóc, người chăm sóc chính là em gái Lê Thị Kim O4 các con đi lại khi có thời gian rảnh rỗi. Năm 2002, ông H2 lên nhà anh H1 ở tổ A, phường M (nay là tổ A năm 2006 thì ông H2 đòi về nhà ở nhà do em H1 xây trên phần đất được chia, ngày 27/5/2008 thì ông H2 mất.

Ngay sau khi ông H2 cho đất chúng tôi phản đối và có đơn ra xã đề nghị giải quyết, xã yêu cầu gia đình về bàn bạc thống nhất lại. Trong khi chưa thống nhất được thì năm 2001 thì chị V2 tình xây nhà trên diện tích đất của 03 người (THO có diện tích chiều ngang là 4m. Khi chúng tôi thống nhất sẽ khởi kiện ra Tòa án thì chị V3 nhất sẽ trả tiền cho HT và ON nhưng chị V4 hứa và không trả. Năm 2009, chúng tôi đã làm đơn để khởi kiện thì chị V6 hứa thu xếp tiền để trả (lúc này anh T3 chị V7 ly thân). Nhiều lần chúng tôi yêu cầu chị V8 nhưng đến nay chị V10 không trả tiền. Việc ông H2 làm đất thổ cư cho cháu Lê Mạnh H14 tôi không nhất trí vì việc tặng cho đất trái với quy định của pháp luật với lý do sau: Phần đất của ông H2 cho không phải của ông H2 vì theo thỏa thuận chia từ năm 1986, khi đó ông H2 còn minh mẫn (thỏa thuận bằng miệng không làm văn bản), phần đất của ông H2 đã cho L8, H1 đã xây nhà trên đất từ năm 1986 để cho ông H2 ở đến khi ông H2 mất năm 2008 (khi ông H2 cho đất không cho các con trong gia đình biết). Tháng 9/2000, ông H2 đang bị tai biến liệt 1/2 người, đầu cũng không được minh mẫn tinh táo, tay bị liệt không tự mình điếm chỉ được, trong khi giấy cho đất thổ cư không thực hiện đúng quy định của pháp luật, vì ngày 24/9/2000 khi ông H2 làm giấy cho đất chỉ có bà Trịnh Thị L nhận. Đến ngày 28/10/2000 có xác nhận của cán bộ địa chính xã A 30/10/2000 ông Đ N1 chủ tịch xã A chứng nhận việc ông H2 cho đất cháu H3 Như vậy việc tặng - cho đất của người không viết được, không ký được mà điếm chỉ phải tuân thủ đúng quy định về công chứng, chứng thực.

Chúng tôi đề nghị Tòa án tuyên giấy cho đất thổ cư lập ngày 24/9/2000 người cho đất ông Lê Kim H15 năm 1931, người được nhận đất Lê M1 H3 sinh năm 1980 (đã chết năm 2006) là vô hiệu và tuyên hủy giấy cho đất thổ cư lập ngày 24/9/2000.

Ông Lê Quang H16 ông Lê Quang T8 nghị chia diện tích đất 189m² theo quy định của pháp luật, phần của tôi được hưởng bao nhiêu thì trả lại cho tôi theo đúng quy định của pháp luật Nhà nước.

Ông Lê Q1 H1 đề nghị Tòa trả lại 8m đất và phần nhà tôi đã xây theo như gia đình đã thỏa thuận năm 1986. Còn 189m² đất tôi không có phần được hưởng, nhưng tôi đề nghị Tòa xử theo đúng quy định của pháp luật chia cho các anh, chị của tôi.

** Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Thùy A1 (là con của bà Tạ Thị V11 ông Lê Quang T9 bày:*

Anh thống nhất với nội dung tự khai của bà Tạ Thị V11 anh Lê Q1 K1 anh A2 định anh không có liên quan về tài sản nhà đất ông nội anh đã tặng cho anh trai anh là Lê M1 H3 Do điều kiện công việc đi làm xa nên anh từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND phường Acó ý kiến: Về nội dung vụ án, đề nghị Tòa án xét xử theo đúng quy định của pháp luật.*

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST, ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26; 34; 35; 39; 147; khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165; 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 115; 131; 158, 160; 161; 221; 223; 690; 691 và 692 của Bộ luật dân sự; Các Điều 5; 6 và 166 của Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim O6 ông Lê Quang T10 Lê Quang H17 việc: Yêu cầu bà Tạ Thị V12 trả lại cho bà và các ông Lê Quang T11 Quang H diện tích 189 m² đất thuộc thửa số 33 tờ bản đồ 41 phường A (địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang và đề nghị Tòa án tuyên *Giấy cho đất thổ cư lập ngày 24/9/2000* giữa ông Lê Kim H2 sinh 1931 và anh Lê M1 H3 sinh 1980 (chết năm 2006) là vô hiệu và yêu cầu hủy *Giấy cho đất thổ cư lập ngày 24/9/2000*.

- Buộc bà Lê Thị Kim O6 ông Lê Quang H18 tháo dỡ toàn bộ phần tường và móng kê đất đã xây lấn sang phần diện tích đất của bà Tạ Thị V13 sử dụng (được thể hiện tại mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất do Trung tâm K2 lập ngày 12/9/2023 đính kèm bản án).

- Bà Tạ Thị Vành Lê Q2 K1 và anh Lê Thùy A3 quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra bản án còn giải quyết về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/5/2024, nguyên đơn bà Lê Thị Kim O7 đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST, ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang. Bà O8 rằng bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đánh giá không khách quan toàn diện nội dung vụ án. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại vụ án theo quy định.

Ngày 25/6/2024, Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 06/2024/QĐ-SCBSBA với nội dung như sau:

Tại trang 17, các dòng từ 18 đến 21 của bản án đã ghi:

- Buộc bà Lê Thị Kim O6 ông Lê Quang H18 tháo dỡ toàn bộ phần tường và móng kê đất đã xây lấn sang phần diện tích đất của bà Tạ Thị V13 sử dụng (được thể hiện tại mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất do Trung tâm K2 lập ngày 12/9/2023 đính kèm bản án).

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

- Buộc bà Lê Thị Kim O6 ông Lê Quang H18 tháo dỡ toàn bộ phần tường và móng kê đất đã xây lấn sang phần diện tích đất của bà Tạ Thị V13 sử dụng, cụ thể gồm: Phần tường nhà xây bằng gạch chỉ đỏ 220 có chiều dài 2,57m (thuộc diện tích S3 được giới hạn bởi các điểm 1', 2', 3', 22 và 1'); phần 04 bức tường kê đất xây bằng gạch không nung 110 (thuộc diện tích S4 được giới hạn bởi các điểm 16, 15, 14, 13, 12, 3', 22 và 16) được thể hiện tại mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất do Trung tâm K2 lập ngày 12/9/2023 đính kèm bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim O9 nguyên nội dung kháng cáo. Bà O10 định việc ông Lê Kim H19 (bố của bà) cho đất cháu Lê Mạnh H7 (con trai ông T12) tại Giấy cho đất thổ cư lập ngày 24/9/2000 là không hợp lệ, bởi vì năm 2000 ông H2 ốm không minh mẫn. Hơn nữa sau khi phát hiện việc ông H2 cho đất cháu H3 thì các con của ông H2 đã phản đối được UBND xã A (nay là phường A, T hòa giải, khuyên bảo các bên. Thời điểm khi bà V11 các con bà V14 nhà trên đất ông H2 cho cháu H3 chúng tôi đã phản đối. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tuyên hủy Giấy cho đất lập ngày 24/9/2000 giữa người cho đất ông Lê Kim H20 nhận đất Lê M1 H3 và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Tạ Thị V15, Luật sư Vũ Trung K1 bày: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định việc ông Lê Kim H19 ngày 24/9/2000 lập Giấy cho đất thổ cư cho cháu Lê M1 H3 được bà Trịnh Thị L2 chứng, được cán bộ địa chính và UBND xã A thực ngày 30/10/2000. Ông Lê Kim H2 là người có quyền sử dụng đất, có quyền quyết định tài sản của mình phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo bản án của nguyên đơn Lê Thị Kim O11 nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST, ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn bà Tạ Thị V9 bày: Nhất trí theo nội dung trình bày của Luật sư Vũ Trung K2 về quyền, lịch ích hợp pháp cho bà, bà không bổ sung thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Q2 K1 trình bày: Nhất trí theo nội dung trình bày của Luật sư Vũ Trung K2 về quyền, lịch ích hợp pháp cho Tạ Thị V16 không bổ sung thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Kim O12 hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Kim O2, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST, ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị Kim O13 chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên bà O12 người cao tuổi được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Kim O12 hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Kim O2, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là tài sản chung của ông Lê Kim H11 và Nguyễn Thị T13 chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị M2 năm 1972 thửa đất hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1981 bà T2 chết, không để lại di chúc. Nhà, đất sau đó được ông H2 và các con của ông H2 bà T2 quản lý sử dụng.

Theo kết quả xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm tại UBND phường A T thể hiện diện tích đất tại thửa số 33, tờ bản đồ số 41 theo Sổ mục kê đất và Bản đồ địa chính năm 1998 (quyển số 01) của UBND xã A (nay là phường A) tại thôn S, xã A, huyện Y (nay là tổ A, phường A, thành phố T, đăng ký tên người sử dụng đất ông Lê Kim H19, diện tích 550,6m² (đất thổ cư, tại các bút lục số 156, 159, 160, 161) trong hồ sơ vụ án. Theo mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất lập ngày 12/9/2023 của Trung tâm K2 thuộc Sở T18, có tổng diện tích 593,7m² (thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 412521-8-(4) bản đồ địa chính năm 1998 phường A) được số hóa.

Diện tích đất trên, hiện nay ông Lê Q2 H1 sử dụng một phần diện tích có chiều ngang bám mặt đường quốc lộ rộng 8,03m, chiều dài hết đất để xây dựng nhà ở và các công trình phụ trợ, đất vườn liền kề... theo kết quả đo vẽ tại mảnh trích đo hiện trạng lập ngày 12/9/2023, phần đất ông H1 sử dụng có diện tích 351,8m². Diện tích đất ông H1 quản lý, sử dụng không có tài liệu thể hiện cụ thể như do được tặng cho hoặc được chuyển nhượng... (Theo bà Ông Tông H21 H1 xác định: Được gia đình hợp, thống nhất cho đất ông H1 vào năm 1986). Diện tích đất trên ông H1 sử dụng ổn định và không có tranh chấp với ai.

Giấy cho đất thổ cư lập ngày 24/9/2000, người cho đất ông Lê Kim H22 (tại bút lục 378, 379 trong hồ sơ vụ án) thể hiện: “...*Tên tôi là Lê Kim H2 sinh..., Nay tôi đang cư trú tại thôn S, xã A - Y - Tuyên Quang Tôi có thổ cư tại thôn S tờ bản đồ số 41, thửa 33 đo đạc địa chính năm 1998 (Quyển số 1) nay tôi cho cháu nội tôi là Lê M1 H3 một phần diện tích là 189m², có chiều rộng theo mặt đường quốc lộ 2 là 4,2m có chiều sâu là 45m đã trừ hành lang đường quốc lộ 2. Vậy tôi làm giấy này kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã và thôn kiểm tra xét duyệt để cháu tôi được tiến hành xây cất. Sau khi Ủy ban nhân dân chứng thực xong cháu H3 được quyền sử dụng diện tích đất nói trên, ngoài ra không ai được đòi hỏi cháu một điều khoản nào cả*”. Kèm theo có vẽ sơ đồ đất: Phía trước là đường quốc lộ 2, bên cạnh phía bên trái là giáp đất của bà L3 cạnh bên phải đất ông H2 đang sử dụng, đất phía sau

là của Nông trường chè. Giấy cho đất thổ cư được ông Lê Kim H23 chỉ, có chứng nhận, ký tên của bà Trịnh Thị L4; ngày 28/10/2000 cán bộ địa chính xã Axác nhận, ký tên; ngày 30/10/2000 Chủ tịch UBND xã Axác nhận, ký tên, đóng dấu.

Xét thấy, việc ông Lê Kim H22 Giấy cho đất thổ cư ngày 24/9/2000 cho anh Lê M1 H3 diện tích 189m² tại thôn S, xã A (nay thuộc tổ dân phố A, phường A), thành phố T hoàn toàn tự nguyện. Việc tặng cho đã được lập thành văn bản, có xác nhận của người làm chứng, của chính quyền địa phương; mục đích và nội dung của Hợp đồng tặng cho không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Bà O8 rằng khi ông H2 lập giấy cho đất không được minh mẫn tinh táo, không cho các con của ông H2 biết, việc lập giấy tặng cho không được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện ông H2 hoàn toàn minh mẫn, tinh táo khi lập giấy cho đất. Toàn bộ diện tích đất thổ cư đăng ký tên người sử dụng đất ông Lê Kim H19 550,6m², là tài sản chung của H2 và bà T14 năm 1981, bà T2 chết không có di chúc, di sản là quyền sử dụng đất trên không có tài liệu xác định đã được chia theo di chúc hoặc pháp luật; quyền sử dụng đất có một phần là di sản thừa kế chưa chia, việc tặng cho đất phải được sự đồng ý của những người cùng hàng thừa kế của bà T2 là ông H2 và các con của bà T15. Tuy nhiên, ông Lê Kim H9 quyền quyết định đối với ½ diện tích đất trên, ngày 24/9/2000 ông H2 lập Giấy cho đất thổ cư cho anh Lê Mạnh H24 là trong phạm vi ông Lê Kim H25 quyền quyết định. Sau khi ông H2 tặng cho đất anh Lê M1 H3 các con của ông H2 là anh Lê Quang H Lê Q3 H1 có đơn khiếu nại đến UBND xã Axem xét, ngày 05/10/2000 UBND xã A tổ chức Hội nghị để giải quyết đơn khiếu nại; ngày 28/10/2000 cán bộ địa chính xã Axác nhận việc tặng cho đất; ngày 30/10/2000 Chủ tịch UBND xã A đã xác nhận việc tặng cho đất nêu trên.

Tại Biên bản giải quyết đơn khiếu nại ngày 05/10/2000 tại trụ sở UBND xã A (BL 162, 163) do nguyên đơn bà Lê Thị Kim O14 cấp nộp cho Tòa án sơ thẩm ngày 16/9/2022 thể hiện... *“Căn cứ xét giấy cho đất thổ cư của ông L9 - 9 - 2000 cho cháu nội là Lê Mạnh H3 gửi Ủy ban nhân dân xã. Xét đơn đề nghị của ông Lê Quang H26 trai ông H2 không nhất trí giải quyết ngay cho ông H2 là còn ốm không được khỏe, khi nào khỏi bệnh mới được làm giấy cho đất thổ cư. Cùng anh Lê Q3 H1 đề nghị như anh H*

Vậy UBND xã xem xét cần phải làm rõ mọi quyền lợi của công dân. UBND xã mời các thành phần như trên đến cùng ủy ban giải quyết và xác định rõ như đơn đã trình bày và Hội nghị tư vấn cho UBND kết luận được tốt. (Các ý kiến phát biểu thể hiện):

- Ông: Lê Kim H2 phát biểu. Tôi tham gia kháng chiến bị thương nhẹ về địa phương đi công tác. Đến năm 1973 được về hưu. Được Nhà nước ưu đãi mọi quyền

lợi. Tôi là bố liệt sĩ. Tôi đủ quyền cho cháu Lê M1 H3 đất thổ cư như giấy cho đất. Tôi thấy quyền của tôi bất khả xâm phạm. Nên không ai được can thiệp vào việc quyết định của tôi. Con cái tôi thúc ép tôi. Cậu xé tôi không cho tôi được quyền quyết định. Tôi đề nghị...quyền tôi cho thì là quyền tôi.

- Ông: Hphát biểu: Quyền lợi của bố tôi là có quyền cho ai, do bố tôi quyết định. Còn lại chúng tôi chỉ muốn bố con anh em đoàn kết. Để trông nom bố tôi khỏi bệnh.

- Ông: H1phát biểu. Việc chạy chữa của bố tôi do tôi lo. Tôi mong muốn là chạy chữa cho bố tôi khỏi bệnh sau đó mới giải quyết đến đất đai. Còn bố tôi cho đất là quyền của bố tôi. Tôi không tham gia.

- Ông: Hôi phát biểu tiếp. Tôi ốm đau hiện tại không có tiền để tiêu và chữa bệnh. Vậy tôi phải giải quyết cho đất và bán nhà để lấy tiền sinh sống. Đề nghị UBND xét và giải quyết cho tôi. Hoặc chuyển hồ sơ lên trên.”...

Biên bản xác minh lập của Tòa án ngày 24/7/2024 với bà Trịnh Thị L5 chứng kiến việc ông H2cho đất anh H7(BL 472), bà L6 định: Tôi được chứng kiến việc ông Lê Kim H25 trực tiếp điểm chỉ ngón trỏ trái, ngón trỏ phải vào giấy cho đất. Sau khi lập giấy cho đất xong, tôi được ký xác nhận “Tôi là Trịnh Thị L1 người xát nhà ông H2điểm chỉ cho đất cháu Lê M1 H3là đúng sự thật”, tôi có ký và ghi rõ tên Trịnh Thị L4. Thời điểm bà V14 nhà từ năm 2001 đến 2002 tôi không thấy các con ruột của ông Lê Kim H9 ý kiến hay ngăn cản bà V14 nhà.

Biên bản xác minh lập của Tòa án ngày 24/7/2024 với ông Hà Văn T16 tổ trưởng tổ A, phường A(trước đây là khu đường phố), là tổ trưởng dân phố từ năm 1996 đến hiện nay (BL 473), ông T4nêu: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án giữa bà Lê Thị Kim O6 bà Tạ Thị V17 cũng được biết qua về nội dung vụ án. Tại biên bản giải quyết đơn khiếu nại ngày 05/10/2000 tại UBND xã A được tham gia với chức vụ là trưởng thôn (trong biên bản ghi tên tôi là Hà X T5nhưng thực tế tôi là Hà V18 T4do người ghi biên bản viết sai tên đệm của tôi. Tại buổi giải quyết đơn khiếu nại đó có ông Lê Kim H27 người cho đất cháu Lê Mạnh H28 H3và ông H2đều có mặt tham gia, lúc đó ông H2sức khỏe yếu được gia đình công gia UBND xã giải quyết theo ý kiến của con trai ông H2là Lê Quang Hvà L H1UBND xã đưa ra ý kiến trao đổi mong muốn các thành viên trong gia đình thỏa thuận được với nhau theo biên bản ngày 05/10/2000. Trong thời gian gia đình bà V14 nhà từ năm 2001 đến 2002 trên diện tích đất ông H2cho cháu H3thì thôn (tổ dân phố) không thấy các con của ông H33 HLê Thị Kim Ocó ý kiến phản đối hoặc báo chính quyền địa phương việc xây dựng nhà ở của bà V11 các con của bà V

Sau khi được tặng cho đất, trong khoảng thời gian từ năm 2001 đến 2002 anh Lê Mạnh H29 với mẹ đẻ là bà Tạ Thị V16 Lê Quang K1đã xây dựng 01 nhà ở

và các công trình phụ trợ khác trên đất được tặng cho, từ năm 2002 đến hiện nay vẫn sinh sống trên diện tích đất này, năm 2005 anh Lê Mạnh H30, phần đất và tài sản gắn liền trên đất do bà Tạ Thị V19 người quản lý. Khi anh Lê M1 H3 bà Tạ Thị V20 dựng nhà ở trên diện tích đất được ông H2 tặng cho anh H7, các con đẻ của ông H2 không cản ngăn, phản đối việc xây dựng trên diện tích đất ông H2 tặng cho; sau khi ông H2 chết năm 2008, năm 2009 bà Lê Thị Kim O15 có ý kiến khiếu nại việc tặng cho đất của ông H2 lập năm 2000. Có căn cứ xác định việc ông Lê Kim H31 cho đất thổ cư anh Lê Mạnh H7 đã hoàn thành trên thực tế. Do đó, cần công nhận hiệu lực của việc tặng cho quyền sử dụng đất trên.

Bản án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu nào khác; do vậy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo bản án của nguyên đơn bà Lê Thị Kim O16 vụ án, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa.

[3] Theo Giấy cho đất thổ cư của ông Lê Kim H12 anh Lê Mạnh H7 (anh H3 đã chết, hiện bà Tạ Thị V13 quản lý sử dụng) có diện tích (4,2m x 45m = 189m²). Tuy nhiên hiện trạng sử dụng đất của hộ gia đình bà Tạ Thị V21 hơn so với giấy cho đất, diện tích là 241,9m² (tăng 52,9m²). Căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ lập ngày 11/11/2021 (từ BL 147 đến 151) khi đo đạc, thẩm định có mặt các đương sự bà O17 H1 bà V chỉ dẫn, có các hộ có đất giáp ranh liền kề cùng xác định. Theo mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất do Trung tâm K2 lập ngày 12/9/2023 (trên cơ sở xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/11/2021) chiều dài của đất hộ bà Tạ Thị V22 giáp gia đình bà Trịnh Thị L1 54,10m, chiều dài giáp đất hộ ông Lê Q3 H1 sử dụng là 53,76m, chiều rộng phía trước là 4,13m và chiều rộng phía sau của thửa đất là 4,99m. Phần đất của gia đình bà Tạ Thị V11 của ông Nguyễn Q4 H4 sử dụng có ranh giới ổn định cụ thể, do đó giao cho các hộ gia đình sử dụng theo hiện trạng sử dụng là phù hợp.

[4] Đối với diện tích 241,9m² đất gia đình bà Tạ Thị V15 quản lý, sử dụng theo mảnh trích đo hiện trạng lập ngày 12/9/2023 được thể hiện tại các điểm 1, 2, 19, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 1; trong đó, có 21,5 m² đất thuộc phạm vi quy hoạch giao thông (tại các điểm 1, 2, 19, 18, 1). Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm có nêu: *Bà Tạ Thị Vành Lê Q2 K1 và anh Lê Thùy A3 quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định nhưng bản án sơ thẩm không xác định cụ thể tại vị trí nào, diện tích bao nhiêu là thiếu sót.* Do đó, nội dung này Hội đồng xét xử thấy cần thiết bổ sung trong phần quyết định của bản án phúc thẩm, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật sẽ thuận tiện trong công tác

thi hành án (nội dung này Hội đồng xét xử sơ thẩm cần rút kinh nghiệm khi giải quyết các vụ án khác).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Xét thấy cấp sơ thẩm đã đánh giá, xác định đúng quy định, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không phải xem xét.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Kim O18 bà O13 chịu án phí dân sự, tuy nhiên bà O19 cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo bản án của nguyên đơn bà Lê Thị Kim O2, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST, ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim O6 ông Lê Quang Tông Lê Quang H32 về việc: Yêu cầu bà Tạ Thị V12 trả lại cho bà và các ông Lê Quang T11 Quang Hdiện tích 189 m² đất thuộc thửa số 33 tờ bản đồ 41 phường A(địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quangvà đề nghị Tòa án tuyên *Giấy cho đất thổ cư lập ngày 24/9/2000* giữa ông Lê Kim H2sinh 1931 và anh Lê M1 H3sinh 1980 (chết năm 2006) là vô hiệu và yêu cầu hủy *Giấy cho đất thổ cư lập ngày 24/9/2000*.

Buộc bà Lê Thị Kim O6 ông Lê Quang H18 tháo dỡ toàn bộ phần tường và móng kê đất đã xây lấn sang phần diện tích đất của bà Tạ Thị V13 sử dụng, cụ thể gồm: Phần tường nhà xây bằng gạch chỉ đỏ 220 có chiều dài 2,57m (*thuộc diện tích S3 được giới hạn bởi các điểm 1', 2', 3', 22 và 1'*); phần 04 bức tường kê đất xây bằng gạch không nung 110 (*thuộc diện tích S4 được giới hạn bởi các điểm 16, 15, 14, 13, 12, 3', 22 và 16*) được thể hiện tại mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất do Trung tâm K2lập ngày 12/9/2023 đính kèm bản án.

Bà Tạ Thị Vành Lê Q2 K1và anh Lê Thùy A3 quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định đối với diện tích đất 241,9m², theo mảnh trích đo hiện trạng lập ngày 12/9/2023 (kèm

theo bản án) tại các điểm 1, 2, 19, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 1; trong đó, có 21,5m² đất thuộc phạm vi quy hoạch giao thông (tại các điểm 1, 2, 19, 18,1).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim O20 miễn nộp toàn bộ án phí của vụ án (quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội).

3. Về chi phí tố tụng khác: Bà Lê Thị Kim O2 phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 8.353.105 đồng. Số tiền này bà O21 nộp đủ trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lê Thị Kim O22 Tạ Thị V23 phải chịu án phí của vụ án.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 15/8/2024.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố Tuyên Quang;
- Chi cục THADS thành phố Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phúc An Hoàn

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Ngọc Trung

Nguyễn Đức Nam

Phúc An Hoàn